



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ WIN FARM



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án
**“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI
360.000 CON GÀ THỊT”**

Địa chỉ: Ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 06 NĂM 2022



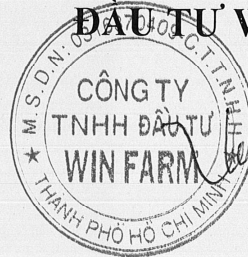
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ WIN FARM



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án
**“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI
360.000 CON GÀ THỊT”**

Địa chỉ: Ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CÔNG TY TNHH
ĐẦU TƯ WIN FARM**



Lâm Thị Thu Hà

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Win Farm.....	6
2. Tên dự án đầu tư:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	6
3.1. Công suất của dự án:	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư :	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư :	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư :	8
4.1. Nhu cầu nguyên liệu của dự án :	8
4.2. Hóa chất	9
4.3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án :	10
4.4. Nguồn cung cấp điện :	12
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :	12
CHƯƠNG II	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có): ...	13
CHƯƠNG III.....	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	14
1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:	14
1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải.....	14
1.3. Công trình xử lý nước thải:	14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	19

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	19
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	19
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	19
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	24
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):.....	24
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):.....	25
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):.....	25
CHƯƠNG IV.....	26
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	26
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):	26
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):	27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	27
4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):.....	27
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):	27
CHƯƠNG V	28
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	28
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện:	28
1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải	28
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	37
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	38
CHƯƠNG VI.....	39
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	39
PHỤ LỤC	40

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT-BTNMT	: Thông Tư - Bộ Tài Nguyên Môi Trường
QĐ-BYT	: Quyết định – Bộ Y Tế
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH	: Chất thải nguy hại

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1: Danh mục hóa chất.....	9
Bảng 1.2 Tổng hợp nhu cầu dùng nước và xả thải của dự án	11
Bảng 1.3: Nhu cầu lao động của dự án khi vào hoạt động.....	12
Bảng 3.1: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng:.....	18
Bảng 3.2. Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải	18
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án.....	26
Bảng 5.1 : Phương pháp lấy mẫu	28
Bảng 5.2 : Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm.....	28
Bảng 5.3 : Vị trí lấy mẫu tại các hồ bể của hệ thống xử lý nước thải.	29
Bảng 5.4 : Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.	30

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1 : Sơ đồ quy trình nuôi gà thịt.....	7
Hình 3.1: Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn.	15
Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải khu nhà A.....	16
Hình 3.3: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải khu nhà B.....	17
Hình 3.5. Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất	24

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Win Farm

- Địa chỉ văn phòng: Số 01, đường số 9, Phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: LÂM THỊ THU HÀ
- Điện thoại: 0905.061.347
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 031637409 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 07/07/2020, thay đổi lần thứ 04/08/2020.

2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi 360.000 con gà thịt.

- Địa điểm thực hiện dự án: Ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 21/05/2020 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi 360.000 con gà thịt tại Ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đầu tư Win Farm làm chủ đầu tư.
- Công văn số 3400/STNMT-CCBVMT ngày 16/12/2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Công ty TNHH đầu tư Win Farm.
- Quy mô của dự án: Quy mô 360.000 con gà thịt.

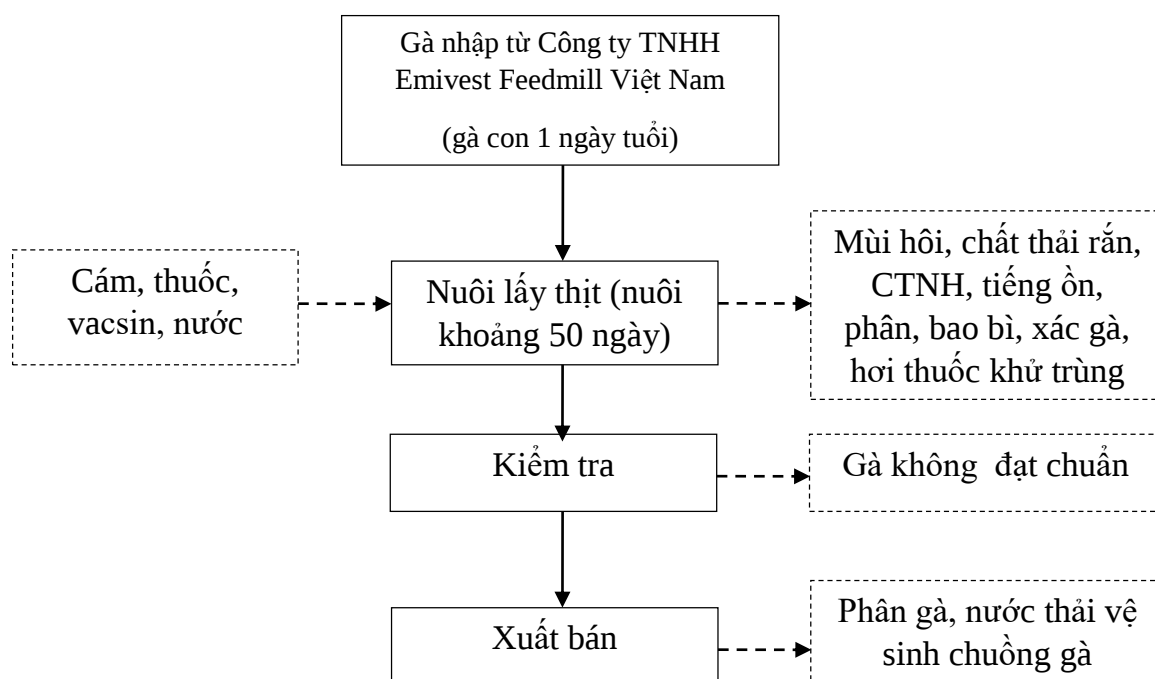
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án:

Một năm trại gà nuôi 6 lứa, mỗi lứa 360.000 con gà thịt/lứa (tương đương 2.160.000 con gà thịt/năm).

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư :

- ❖ **Quy trình chăn nuôi.**



Hình 1.1 : Sơ đồ quy trình nuôi gà thịt

Mô tả quy trình công nghệ:

- Rải trấu: Rải trấu lên toàn bộ nền chuồng dày khoảng 10cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Cứ sau 2-3 ngày tiến hành cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân được phân hủy nhanh hơn. Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc vào mặt đệm lót bị nén chặt hay không và lượng phân gà nhiều hay ít. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng.

- Gà giống 1 ngày tuổi (có khối lượng 0,2-0,3kg) được nhập từ Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam đảm bảo chất lượng và số lượng. Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Trại gà được xây dựng 18 nhà chuồng, toàn bộ gà giống được nhập trong 3 ngày gà được lấp đầy từng chuồng.

- Gà được chăm sóc nuôi dưỡng với các thiết bị tự động và bán tự động, đảm bảo thức ăn và nước uống cung cấp cho gà không bị rơi vãi gây mùi hôi và hao phí nguyên liệu đầu vào. Trong quá trình nuôi nếu phát hiện các con gà bị nghi mắc bệnh sẽ báo cho thú y đến kiểm tra. Nếu bị bệnh sẽ tiến hành tiêu hủy theo đúng quy định.

- Gà nuôi sau 50 ngày (gà đạt khối lượng khoảng 2,5 kg) sẽ được xuất chuồng toàn bộ trong 3 ngày. Gà xuất chuồng sẽ được đưa xe tải vận chuyển đến xuất bán. Chuồng nuôi sẽ được vệ sinh lau chùi sạch trần, vách, còn nền sẽ được phun rửa, xử lý chất thải.

- Trước khi nhập gà mới, chuồng được khử trùng và sẽ được đóng kín trong vòng 24 giờ.

– Một năm trại gà nuôi 6 lứa, mỗi lứa 360.000 con gà thịt/lứa (tương đương 2.160.000 con gà thịt/năm).

– Phân gà sẽ được xử lý bằng enzym và trấu ngay tại chuồng để hạn chế tối đa mùi hôi và ảnh hưởng của các loại vi khuẩn gây bệnh. Gà nuôi đến khi đạt tiêu chuẩn sẽ được kiểm tra trước khi xuất bán. Sau mỗi đợt nuôi, phân gà cùng với trấu sẽ được đơn vị thu gom và bán cho các công ty sản phẩm sản xuất phân vi sinh.

– Gà được nhập về và đưa thẳng vào chuồng nuôi, hàng ngày có bác sĩ kiểm tra, nếu phát hiện gà bệnh sẽ cho uống thuốc hoặc tiêm vacsin do đó, hộ kinh doanh không bố trí nhà cách ly gà khi nhập gà.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư :

Một năm trại gà nuôi 6 lứa, mỗi lứa 360.000 con gà thịt/lứa (tương đương 2.160.000 con gà thịt/năm).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư :

4.1. Nhu cầu nguyên liệu của dự án :

❖ Thức ăn:

Nguồn cung cấp thức ăn cho dự án là từ Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp toàn bộ đảm bảo chất lượng và phù hợp với nhu cầu của đàn gà. Thức ăn chính cho gà là dạng cám tổng hợp bao gồm: bột ngô, cám gạo,...Thành phần bao gồm nhóm nguyên liệu thô, nhiều xơ: các phụ phẩm nông nghiệp (xác mỳ, lõi ngô..); Nhóm nguyên liệu giàu năng lượng: tấm, gạo, ngô, sắn, cám, khoai mỳ, các loại củ giàu tinh bột; Nhóm nguyên liệu giàu protein: đậu lạc, khô dầu, đầu cá; Nhóm nguyên liệu bổ sung: các chất muối khoáng, canxi, photpho...; Nhóm phụ gia: chất bảo quản, tạo mùi...(đầu cá, nước gan mực).

Thức ăn từ các xe vận chuyển nguyên liệu sẽ được đưa trực tiếp đến các si lô chứa thức ăn của nhà nuôi gà, sau đó tải thức ăn tới từng vị trí phễu và phân phối đến các máng ăn bằng van tự động. Thức ăn được lưu chứa trong si lô, đảm bảo cho gà dùng trong 10 ngày, khi hết sẽ nhập tiếp.

Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì ước tính lượng cám trung bình cung cấp cho gà thịt là 37g/con gà thịt $\approx 0,037\text{kg/con}$. Bình quân mỗi ngày lượng cám cần cung cấp cho tổng đàn gà là 13.320kg, trại mỗi lần nhập cám dùng trong 10 ngày khoảng 133,2tấn/lần nhập. Vậy 1 lứa nuôi nhập 05 lần cám khoảng 666 tấn/lứa nuôi.

❖ Trấu:

Sau khi xuất gà thịt, việc vệ sinh chuồng trại sẽ làm phát sinh khối lượng lớn phân gà trộn với vỏ trấu.

Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì ước tính 1m² cần dùng khoảng 0,5 - 0,6kg vỏ trấu, diện tích 01 chuồng gà (14,5x112)m², lượng trấu sử dụng là:

0,6 kg vỏ trấu/m²x(14,5x112)m²x 18 nhà = 17.539,2 kg ~ 17,5392 tấn vỏ trấu/lúa.

4.2. Hóa chất

Đối với hoạt động của dự án, hóa chất được dùng chủ yếu là các loại thuốc được sử dụng được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 1: Danh mục hóa chất

STT	Tên gọi	Chủng loại/ Tác dụng	Đơn vị tính	Số lượng/ Năm
1	Streptomycin	Thuốc kháng sinh	Lọ 1000mg	48.600
2	Gentamicin 4%		Túi 4000mg	4.500
3	Enrotis L.A		Lọ 1000mg	48.600
4	Ampicilin		Lọ 500mg	48.600
5	Nova - mycoplasma		Gói 1 kg	1.800
6	Penicilin		Lọ 1 mũi	48.600
7	Vaccine	Cúm gia cầm	Liều	4.500
8	Vác sin	Phòng bệnh Newcastle, chủng VG/GA trên gà phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà, chủng H120	Liều	4.320.000
9	Thuốc thú y - vitamin	-	Liều	63.000
10	Chế phẩm EM	Khử mùi phân	lít	1.550
11	Thuốc sát trùng Asicide	Sát trùng xe, công nhân ra vào Trại.	Kg	2.340

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Win Farm)

❖ Ghi chú:

– Streptomycin là kháng sinh chữa bệnh do vi khuẩn Gram(-) như: lao phổi, viêm vú, tử cung; viêm thối móng, da, vết thương; tiêu chảy, lỵ, phân trắng, phân vàng, thương hàn, tụ huyết trùng, Brucellosis.

– Gentaymicin (dạng sulfat) là dung dịch tiêm điều trị bệnh viêm phổi, phế quản, viêm phù thận, cầu thận, bàng quang, viêm ruột ỉa chảy, phân trắng, phân vàng..; tụ huyết trùng... gây bởi khuẩn mẫn cảm với gentamicin.

– Thuốc sát trùng Asicid: Benzakonium chloride(100g), Glutaraldehyde (150g), Dung môi vừa đủ (1.000 ml), loại thức sát trùng này có tính bay hơi cao, diệt các khuẩn gây đậu gà, Marek's, hội chứng phù đầu, Viêm gan do virus, CRD, C.CRD, viêm khớp, bạch ly, thương hàn, cầu trùng, bệnh mồm phổi và các bệnh khác.

– Chế phẩm EM: Gọi tắt là EM (Vi sinh vật hữu hiệu- Effective microorganisms) là tập hợp các loài vi sinh vật có ích (vi khuẩn quang hợp, vi khuẩn lactic, nấm men, xạ khuẩn, nấm mốc), sống cộng sinh trong cùng môi trường. Sử dụng chế phẩm EM sẽ kìm hãm sự phát triển của các vi sinh vật làm cho chuồng trại giảm được mùi hôi thối, tăng cường sức khỏe cho con vật. Chế phẩm EM được sử dụng trong nhiều lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, môi trường,... đều cho hiệu quả rất tốt. Một ưu thế lớn của công nghệ EM là tính rất an toàn đối với cây trồng, gia súc, con người và môi trường cả trong quá trình sản xuất, điều chế, sử dụng và bảo quản.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án :

– Chủ dự án dự kiến sẽ khoan 02 giếng để lấy nguồn nước cấp cho quá trình chăn nuôi và sinh hoạt của công nhân. Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì nhu cầu sử dụng nước trong chăn nuôi của dự án được tính toán như sau:

+ Lượng nước cho gà uống này do chủ dự án cung cấp khoảng:

$$250\text{ml/con.ngày} \times 360.000 \text{ con} = 90.000.000 \text{ ml/ngày} = 90\text{m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước sinh hoạt của công nhân: khi dự án đi vào hoạt động, tổng lao động chính là 20 người. Chủ đầu tư bố trí nhà ở cho công nhân ở lại trong trại để chăm sóc thường xuyên cho đàn gà. Tiêu chuẩn cấp nước 100 lít/người.ngày (Theo TCXDVN 33-2006). Vậy lượng nước dùng cho sinh hoạt của 20 người:

$$20 \times 100 = 2.000\text{lít/ngày} = 2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát chuồng:

Cấp ban đầu: $3 \text{ m}^3/\text{nàh} \times 18 \text{ nhà} = 54 \text{ m}^3$ (quá trình hoạt động lượng hơi nước sẽ được ngưng tụ và cấp trở lại hệ thống).

Cấp bổ sung: Trong quá trình hoạt động một lượng nước sẽ thất thoát do bay hơi do đó sẽ cung cấp một lượng nước bổ sung là khoảng $1 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 18 \text{ nhà} = 18\text{m}^3/\text{ngày}$.

→ Do lượng nước bổ sung được cấp hằng ngày nên ta sẽ chọn lượng nước bổ sung để tính toán cho nhu cầu dùng nước của dự án, vậy lượng nước cấp cho hệ thống làm mát chuồng là $1\text{m}^3/\text{ngày}$ cho 1 chuồng. Lượng nước này làm mát này được sử dụng tuần hoàn và không thải bỏ ra ngoài.

+ Nước dùng cho quá trình sát trùng: bình quân 1 người là 10 lít/người, nước sát trùng cho phương tiện vào khu trại là 25 lít/xe.ngày, mỗi ngày có khoảng 25 xe ra vào trại, lượng nước sử dụng cho sát trùng là:

$$(10 \text{ lít} \times 25 \text{ người}) + (25 \text{ lít} \times 25 \text{ xe}) = 875 \text{ lít/ngày} = 0,875 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước dùng cho PCCC: Lượng nước này sử dụng không thường xuyên, chỉ sử dụng khi có sự cố. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy được tính cho 01 đám cháy trong 2 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây.đám cháy.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây.đám cháy} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 108 \text{ m}^3$$

+ Nước dùng cho vệ sinh chuồng trại: Hộ kinhdoanh sẽ tiến hành vệ sinh chuồng trại gà sau khi xuất bán (50 ngày/lứa), ước tính trung bình nước dùng vệ sinh chuồng 1 lần là:

$$4 \text{ m}^3/\text{nàh} \times 18 \text{ nhà/lần} = 72 \text{ m}^3/\text{lần}.$$

Bảng 1.2 Tổng hợp nhu cầu dùng nước và xả thải của dự án

St t	Mục đích sử dụng	Định mức	Số lượng	Lượng nước cấp ngày thường (m ³ /ngày)	Lượng nước xả ngày thường (m ³ /ngà y)	Lượng nước cấp ngày rửa chuồng (m ³ /ngà y)	Lượng nước xả ngày rửa chuồng (m ³ /ngà y)
I Nước cấp sinh hoạt							
1	Nước sinh hoạt	100 lít/người. ngày	20 người	2,0	2,0	2,0	2,0
II Nước cấp chăn nuôi							
1	Nước uống cho gà	0,25 lít/con	360.000	90	Nước tiểu thấm vào trấu	-	-
2	Nước vệ sinh chuồng	4 m ³ /chuôn g	18 chuồng	-	-	72	72
3	Nước cấp cho hệ thống làm mát	1 m ³ /ngày	18 chuồng	18	Tuần hoàn và không thải ra ngoài	-	-
4	Nước cấp hoạt động khử trùng, vệ sinh xe ra vào trại	25 lít/xe 10 lít/người	25 xe 25 người	0,875	0,875	0,875	0,875

St t	Mục đích sử dụng	Định mức	Số lượng	Lượng nước cấp ngày thường (m ³ /ngày)	Lượng nước xả ngày thường (m ³ /ngày)	Lượng nước cấp ngày rửa chuồng (m ³ /ngày)	Lượng nước xả ngày rửa chuồng (m ³ /ngày)
I	Nước cấp sinh hoạt						
	Tổng cộng - tính theo ngày lớn nhất (Không kể lượng nước PCCC)			110,875	2,875	74,875	74,875

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Win Farm)

4.4. Nguồn cung cấp điện :

Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia, điện sẽ được tiêu thụ cho các mục đích chăn nuôi, sinh hoạt, vận hành hệ thống xử lý nước thải... ước tính khoảng 4.800.000Kwh/năm. Ngoài ra, để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho Dự án hoạt động được liên tục trong trường hợp gặp sự cố từ lưới điện quốc gia, dự án trang bị 01 máy phát điện dự phòng, công suất mỗi máy 300 KVA.

4.5. Nhu cầu lao động:

Tổng số Cán bộ - Công nhân viên làm việc khi dự án chính thức đi vào hoạt động khoảng 20 người, cụ thể được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu lao động của dự án khi vào hoạt động

TT	Loại lao động	Số lượng
1	Quản lý trại	01
2	Bác sĩ thú y	01
3	Công nhân kỹ thuật	01
4	Công nhân chăm sóc và vệ sinh chuồng trại	17
Tổng cộng		20

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư Win Farm)

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :

Tổng nguồn vốn đầu tư của dự án: 65.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi lăm tỉ đồng).

Trong đó:

- Vốn tự có: 25.000.000.000 đồng
- Vốn vay: 40.000.000.000 đồng
- Kinh phí cho các công trình bảo vệ môi trường dự kiến là 1.050.000.000 đồng.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Không thay đổi.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Không thay đổi.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa trong trại một phần tự thấm, một phần nước mưa theo hệ thống mương thoát nước mưa là mương hở, xây gạch, rộng 0,15m, sâu 0,15m, tổng chiều dài khoảng 2.740m bố trí xung quanh các dãy nhà nuôi gà dẫn về hồ chứa nước mưa với thể tích của hồ là 4.000m³ (dài x rộng x sâu = 40m x 20m x 5m), hồ đất.

1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi vào hệ thống xử lý tập trung của trại. Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại với thể tích của mỗi bể là 3m³ bố trí tại nhà bảo vệ và khu nhà ở công nhân.

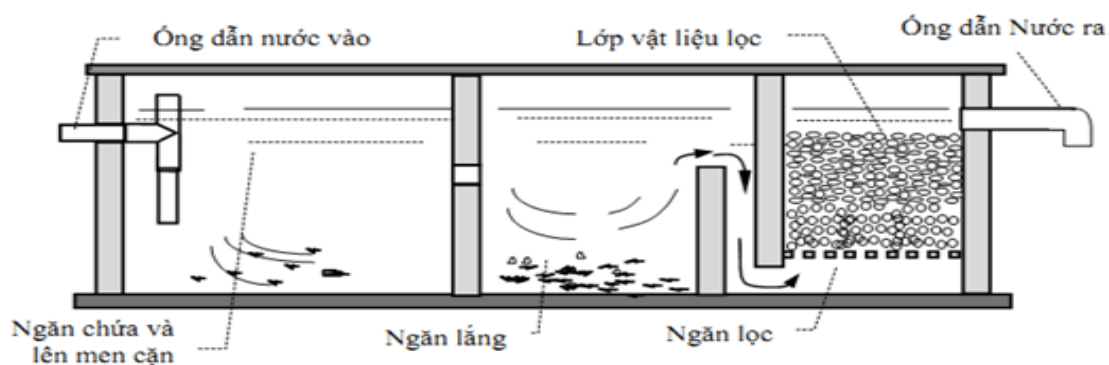
- Nước thải vệ sinh chuồng trại tại khu nhà A được dẫn về hệ thống xử lý nước thải khu nhà A bằng mương kín xây gạch rộng 0,15m, sâu 0,15m, với tổng chiều dài khoảng 225m, trên tuyến mương bố trí 08 hố ga với kích thước mỗi hố ga (dài x rộng x sâu) là 1m x 1m x 1m. Nước sát trùng được dẫn về hồ sinh học 1 (của hệ thống xử lý nước thải khu nhà A) bằng đường ống uPVC Ø60mm, dài khoảng 240m. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được dẫn về bể kỵ khí 1 (của hệ thống xử lý nước thải khu nhà A) bằng đường ống PVC Ø60mm, dài khoảng 275m.

- Nước thải vệ sinh chuồng trại tại khu nhà B được dẫn về hệ thống xử lý nước thải khu nhà B bằng mương kín xây gạch rộng 0,15m, sâu 0,15m, với tổng chiều dài khoảng 222m, trên tuyến mương bố trí 10 hố ga với kích thước mỗi hố ga (dài x rộng x sâu) là 1m x 1m x 1m.

1.3. Công trình xử lý nước thải:

❖ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi vào hệ thống xử lý tập trung của trại. Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại với thể tích của mỗi bể là 3m³ bố trí tại nhà bảo vệ và khu nhà ở công nhân.



Hình 3.1: Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn.

Nguyên lý làm việc: Nước thải được thải ra và dẫn đến bể phốt. Tại bể phốt, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể và nước chảy ra sang hố ga. Tại đây, hố ga sẽ ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý chung của công ty. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới. Khi cặn bã tại bể phốt đầy, bể phốt được hút để tránh cặn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước.

❖ **Nước thải chăn nuôi:**

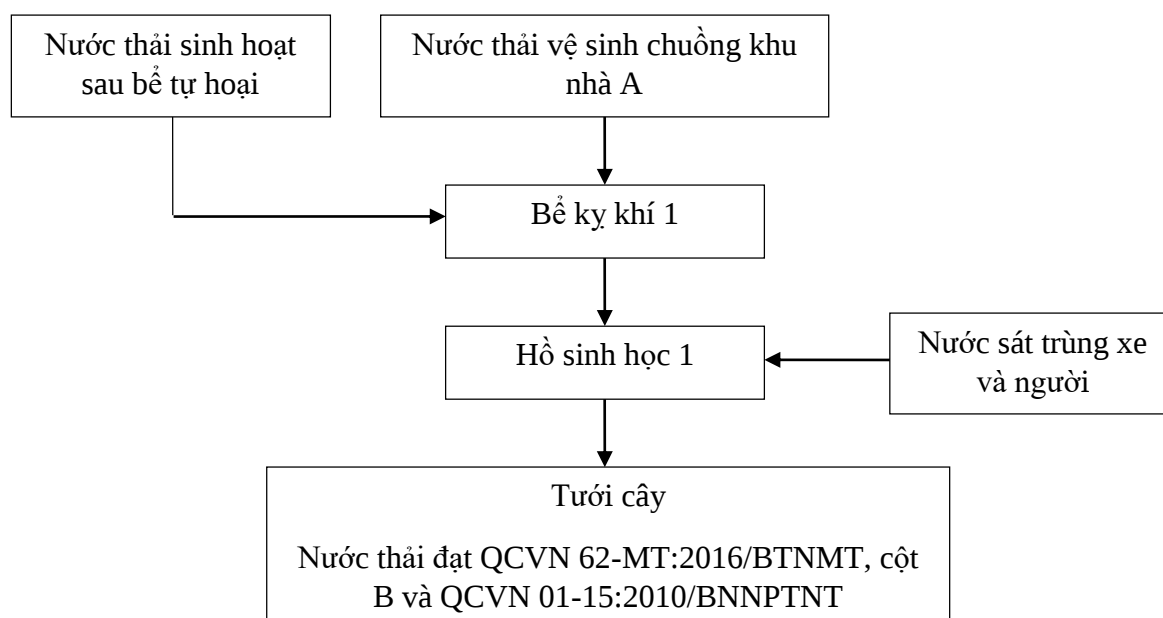
Nước thải tại trại gồm nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại (chỉ phát sinh vào ngày vệ sinh chuồng) và nước thải từ hoạt động sát trùng xe và người ra vào trại.

Nước thải chăn nuôi tại dự án được thu gom và xử lý chia thành 2 khu theo 2 khu chuồng trại, gồm Khu nhà A có 08 dãy chuồng và Khu nhà B gồm 10 dãy chuồng.

Nước thải vệ sinh chuồng trại tại khu nhà A được dẫn về hệ thống xử lý nước thải khu nhà A bằng mương kín xây gạch rộng 0,15m, sâu 0,15m, với tổng chiều dài khoảng 225m, trên tuyến mương bố trí 08 hố ga với kích thước mỗi hố ga (dài x rộng x sâu) là 1m x 1m x 1m. Nước sát trùng được dẫn về hồ sinh học 1 (của hệ thống xử lý nước thải khu nhà A) bằng đường ống uPVC Ø60mm, dài khoảng 240m. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được dẫn về bể kỵ khí 1 (của hệ thống xử lý nước thải khu nhà A) bằng đường ống PVC Ø60mm, dài khoảng 275m.

Nước thải vệ sinh chuồng trại tại khu nhà B được dẫn về hệ thống xử lý nước thải khu nhà B bằng mương kín xây gạch rộng 0,15m, sâu 0,15m, với tổng chiều dài khoảng 222m, trên tuyến mương bố trí 10 hố ga với kích thước mỗi hố ga (dài x rộng x sâu) là 1m x 1m x 1m.

➤ Hệ thống xử lý nước thải tại khu nhà A với công suất 42m³/ngày như sau:



Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải khu nhà A

❖ Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 50 ngày/lần (khi trại đi vào hoạt động ổn định) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Do vậy, chủ dự án đầu tư xây dựng bể kỵ khí vừa có tác dụng chứa nước để ổn định cho các công trình xử lý phía sau, vừa có tác dụng phân hủy một lượng ít phân gà còn sót lại trong quá trình thu gom và còn có lông gà rơi vãi trong chuồng nuôi.

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn cũng sẽ được dẫn vào bể kỵ khí 1 để xử lý cùng nước thải chăn nuôi tại khu nhà A.

Xử lý chất thải bằng bể kỵ khí dựa trên nguyên tắc hoạt động kỵ khí của các nhóm vi sinh vật tùy nghi và vi sinh vật kỵ khí. Các nhóm vi sinh vật phân hủy các chất hữu cơ tạo ra các axit hữu cơ, các axit hữu cơ tiếp tục được loại bỏ nhờ các nhóm vi sinh loại axit tạo metan và khí cacbonic. Tại đây vi sinh vật phân hủy các chất tổng hợp và khí được sinh ra gồm metan (CH₄), nitơ (N₂), cacbon dioxit (CO₂) và hydro sulphate (H₂S). Khi nước thải xử lý ở bể kỵ khí 30 ngày thì BOD, COD giảm khoảng 60% và lưu 30 ngày thì BOD, COD giảm 75 - 80% cặn lơ lửng bị loại bỏ khoảng 70%. Trong bể kỵ khí, dưới sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí sẽ lên men, làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải. Độ pH thích hợp nhất là từ 6,8 đến 7,5. Nước thải lưu tại bể kỵ khí 1 khoảng từ 30 ngày sẽ được dẫn sang hồ sinh học 1.

Nước thải sau khi qua bể kỵ khí 1 được dẫn về hồ sinh học 1, tiếp tục xử lý các chất bẩn còn lại. Trong hồ sinh học 1 diễn ra hai quá trình xử lý song song. Một là quá

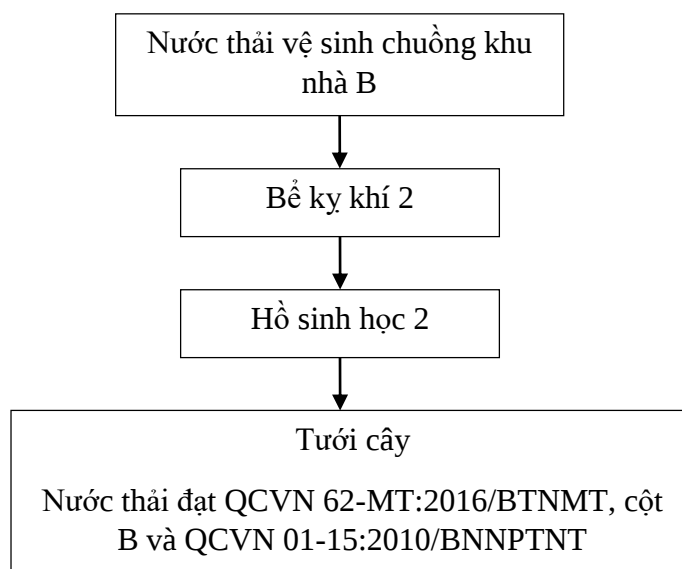
trình xử lý hiếu khí ở bề mặt hồ và một là quá trình xử lý kỵ khí ở đáy hồ (chủ yếu là các cặn lắng).

Nước sát trùng: các phương tiện trước khi đi vào trại sẽ đi qua nhà sát trùng xe. Nước sát trùng một phần bám dính vào phương tiện và bốc hơi phần còn lại đọng lại trong hồ chứa nước sát trùng. Lượng nước được dẫn về hồ sinh học 1 của hệ thống xử lý nước thải khu nhà A.

Nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT và dùng tưới cây trong khu vực dự án.

Công ty cam kết chỉ tưới cây xanh trong khu vực dự án.

✚ **Hệ thống xử lý nước thải tại khu nhà B với công suất 50m³/ngày như sau:**



Hình 3.3: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải khu nhà B

❖ **Thuyết minh quy trình xử lý nước thải khu nhà B:**

Nước thải vệ sinh chuồng tại khu nhà B được dẫn về bể kỵ khí 2. Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong bể kỵ khí 2 giống như trong bể kỵ khí 1.

Nước thải tại khu nhà B sau khi qua bể kỵ khí 2 được dẫn về hồ sinh học 2, tiếp tục xử lý các chất bẩn còn lại, hồ được thả tảo và lục bình.

Nước thải đầu ra tại khu nhà B đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT, và dùng tưới cây trong khu vực dự án.

Bảng 3.1: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng:

STT	Hạng mục	Kích thước (m)			Thể tích (m³)	Cấu tạo bể
		Dài	Rộng	Cao/sâu		
Hệ thống xử lý nước thải khu nhà A						
1	Bể kỵ khí 1	4	6	5	120	BTCT, Silka chống thấm
2	Hồ sinh học 1	5	5	5	125	Đào đất, lót bạt HDPE
Hệ thống xử lý nước thải khu nhà B						
1	Bể kỵ khí 2	4	6	5	120	BTCT, Silka chống thấm
2	Hồ sinh học 2	5	5	5	125	Đào đất, lót bạt HDPE

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, công ty có sử dụng một số loại hóa chất sau:

Bảng 3.2. Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

TT	Hóa chất	Lượng hóa chất/ngày (kg/ngày)
1	PAC	4,5
2	Polymer	1,5
3	NaOH	1
4	NaOCl	1

Công ty đã lắp đặt công tơ điện riêng để theo dõi mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Không có.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty đã bố trí 06 thùng rác 60L đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực để thu gom rác thải. Đồng thời, Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phương Hoa PR hợp đồng số 69-02/HDDVVSMT-2021 ngày 23/10/2021 để thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

+ Chất thải chăn nuôi:

- **Phân gà và trấu trải sàn:** Sau khi gà xuất chuồng, phân gà và trấu lót chuồng được thu gom hoàn toàn, đóng bao và để tại nhà chứa phân có diện tích 32 m² (4m x 8m). Sau đó, được xuất bán ngay cho đơn vị thu gom mua phân để sản xuất phân bón, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường. Cụ thể là hợp đồng bón phân cho Ông Nguyễn Văn Thực hợp đồng số 26/2021/HĐMB ngày 14/11/2021 để thu mua và xử lý.

- Gà chết không do dịch bệnh:

Trại thường xuyên được khử trùng, gà được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ và có bác sĩ thú y trực tiếp chăm sóc đàn gà nên lượng gà chết là tương đối nhỏ. Đối với gà chết sẽ được xử lý bằng 2 cách: nấu chín cho cá ăn và hầm hủy.

+ Phương án 1: Lượng gà chết không do dịch bệnh sẽ được bỏ vào hầm hủy (cống) xây bằng bê tông cốt thép, trát chống thấm có kích thước D = 1m, sâu = 3m và gồm có 3 hầm, có nắp bằng bê tông cốt thép đậy kín, trồng cây xanh xung quanh.

+ Phương án 2: Lượng gà chết không do dịch bệnh được xử lý bằng cách nấu chín, cho cá ăn. Công ty xây dựng 01 nhà nấu xác gà, diện tích khoảng 25m², có mái che. Hồ nuôi cá có kích thước 10m x 8m, hồ đất, lót bạt HDPE.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 7kg/tháng tương đương 84 kg/năm.

- Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa và đưa vào kho chứa chất thải nguy hại, công ty đã xây dựng nhà chứa chất thải nguy hại diện tích 8m². Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Công nghệ An Huy hợp đồng số 82/2021/HĐ/AH-WF ngày 22/06/2021 để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

– Không có.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

❖ Biện pháp phòng ngừa

➤ Quản lý chương trình vacxin và phòng chống dịch bệnh

Xác định đúng danh mục các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành và yếu tố dịch tễ lưu ý thuộc các chủng mầm bệnh đang thịnh hành tại vùng tỉnh Bình Phước và vùng lân cận. Hiện trạng miễn dịch và sự duy trì kháng thể có thể được kiểm tra bằng phương pháp thử huyết thanh thích hợp. Hiệu quả của chương trình phải được giám sát bằng các kiểm tra huyết thanh trong phòng thí nghiệm đối với các mẫu lấy từ các đàn.

Khi thực hiện việc tiêm vacxin phải có sự phân công trách nhiệm được ghi chép chi tiết và chữ ký của người chịu trách nhiệm. Áp dụng các biện pháp thực hiện nghiêm ngặt, ghi chép đầy đủ, duy trì quy định tiêm phòng thường xuyên theo lứa tuổi. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ Chương trình tiêm phòng cúm gia cầm, Newcastle và chương trình giám sát dịch bệnh của dự án.

- Vệ sinh cơ bản

Khu trại được thiết kế ngay công ra vào có hồ chứa nước sát trùng và hệ thống máy phun sát trùng cho bất cứ phương tiện nào đi ra vào trại.

- Vệ sinh chuồng nuôi

Sau mỗi đợt xuất chuồng cần phải vệ sinh sạch sẽ chuồng trại, thu gom phân trên sàn nếu có, phun thuốc sát trùng cho các chuồng trước khi thả đàn gà mới.

- An toàn vệ sinh thú y

Chương trình vệ sinh phòng dịch tuân thủ tuyệt đối theo chương trình vệ sinh phòng dịch quốc gia. Bên cạnh đó trại cũng có chương trình phòng dịch riêng của các chuyên gia vạch ra nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của đàn gà và môi trường.

➤ An toàn sinh học – Phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi

Chương trình an toàn sinh học là việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa vật nuôi và mầm bệnh nhằm đảm bảo cho đàn vật nuôi được hoàn toàn khỏe mạnh và không bị dịch bệnh.

- *Chăn nuôi an toàn sinh học sẽ góp phần:*

- + Ngăn cản sự xâm nhập của mầm bệnh từ bên ngoài trại vào trong trại.
- + Không để mầm bệnh lây lan giữa các khu vực trong trại.
- + Không để vật nuôi trong trại phát bệnh.
- + Ngăn cản sự lây lan mầm bệnh từ trong trại (nếu có) ra ngoài trại.

- *Các nguyên tắc cơ bản trong thực hành chăn nuôi an toàn sinh học:*

- + Đàn vật nuôi phải được nuôi trong một môi trường được bảo vệ.
- + Đàn vật nuôi phải được chăm sóc nuôi dưỡng tốt.
- + Tất cả mọi sự di chuyển ra vào trại và giữa các khu vực trong trại đều phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

- *Các biện pháp thực hành an toàn sinh học:*

- + Thực hiện chế độ nuôi chuồng kín đối với từng dãy nhà nuôi.
- + Chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh theo từng dãy nhà trong trại.
- + Tất cả người và phương tiện khi vào khu vực phải đi qua hố sát trùng ở lối vào khu vực.
- + Cọ rửa ủng và bánh xe ngay khi ra khỏi dãy chuồng và sau đó đi qua hố sát trùng.
- + Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy chuồng. Cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.
- + Cố định công nhân theo dãy chuồng hoặc khu vực chăn nuôi.
- + Sử dụng con giống an toàn dịch bệnh: Nhập giống gia cầm từ các đơn vị cung cấp giống an toàn về dịch bệnh và các bệnh truyền nhiễm quan trọng.
- + Phòng bệnh bằng vắc xin: Tùy theo giống vật nuôi mà thực hiện các chương trình tiêm phòng vắc xin khác nhau theo quy định của cơ quan thú y.
- + Xét nghiệm định kỳ, giám sát sự lưu hành các loại mầm bệnh: Có hệ thống giám sát dịch bệnh theo sự quản lý của cơ quan thú y được phân công: xét nghiệm huyết thanh định kỳ.
- + Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại trong thời gian quy định.
- + Trong điều kiện không có dịch bệnh, định kỳ phun thuốc sát trùng khu vực đệm.
- + Trong trường hợp trại đang nằm trong vùng dịch hoặc vùng bị dịch uy hiếp thì phải phun thuốc sát trùng mỗi tuần 2 lần.
- *Xử lý, tiêu hủy gà bệnh và chết:*
- + Phải có khu vực riêng để xử lý gia cầm bệnh. Sau mỗi lần xử lý phải phun sát trùng.
- + Tiêu hủy gia cầm ốm, chết theo hướng dẫn của cơ quan thú y.
- *Kiểm soát các sự di chuyển ra vào trại:*
- + Các phương tiện vào trại phải được rửa sạch bằng vòi phun nước áp lực cao. Sau đó, đi qua hố sát trùng.

Người vào trại bắt buộc phải vệ sinh theo quy trình sau:

- + Thay quần, áo, mũ, ủng.
- + Tắm và gội đầu.
- + Mặc quần, áo, mũ, ủng mới của trại đã được giặt và sát trùng.
- + Đi qua hố sát trùng để vào trại.
- + Huấn luyện nhân viên: Hướng dẫn mọi cán bộ và công nhân của trại để họ hiểu rõ và có kỹ năng thực hiện tốt tất cả các biện pháp an toàn sinh học áp dụng ở trại.

❖ Các biện pháp xử lý và phòng chống khi xảy ra dịch bệnh:

➤ Khi có bệnh xảy ra phải:

- Thông báo ngay cho cán bộ thú y;
- Không bán chạy, không ăn thịt gia súc trong đàn bị bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
- Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia súc chết, mắc bệnh và các gia súc khác trong đàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý địa phương.

- Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:
- + Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;
- + Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.
- + Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.
- + Việc nuôi gia súc trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý thú y.
- + **Chú ý:** Tất cả những người tiếp xúc với gia súc bệnh, phải sử dụng bảo hộ lao động, tránh lây nhiễm bệnh.

➤ ***Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch***

Không tiếp xúc với gia súc, trừ trường hợp bắt buộc.

Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, dây dép ở khu vực riêng.

➤ ***Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch***

Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia súc phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động:

Mặc quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay, không thấm nước;

Đeo găng tay cao su loại dày đã được khử trùng;

Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su

Những người tiếp xúc với gia súc bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng.

Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn heo. Nếu thấy có heo bệnh:

- Phải báo ngay cho cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật của Công ty;
- Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
- Phải tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm theo quy định;
- Quét dọn phân, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi theo hướng dẫn của thú y;
- Những người đã tiếp xúc với gia súc bệnh, khi thấy có biểu hiện như ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

🚩 ***Biện pháp phòng chống do sự cố***

❖ ***Phòng chống sự cố cháy, nổ***

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, các khu nhà phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện.
- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Dự án.
- Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: hòng cứu hỏa, bình CO₂ MT3, máy bơm,.. Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có rơm rạ,... Nơi để rơm rạ phải để nơi cách xa những vật dễ cháy, nổ.

Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại

- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.
- Đảm bảo vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Hướng dẫn và đảm bảo khả năng đảm nhận của người vận hành các công trình hệ thống xử lý nước thải.

Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra.

➤ Đối với bể tự hoại

- Định kỳ bơm hút bể tự hoại 6 tháng/lần, nước trong bể tự hoại sẽ tiếp tục vào bể kỵ khí 1 để tiếp tục được xử lý.
- Nếu xảy ra sự cố, Chủ Dự án sẽ kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh gây tác động tới môi trường.

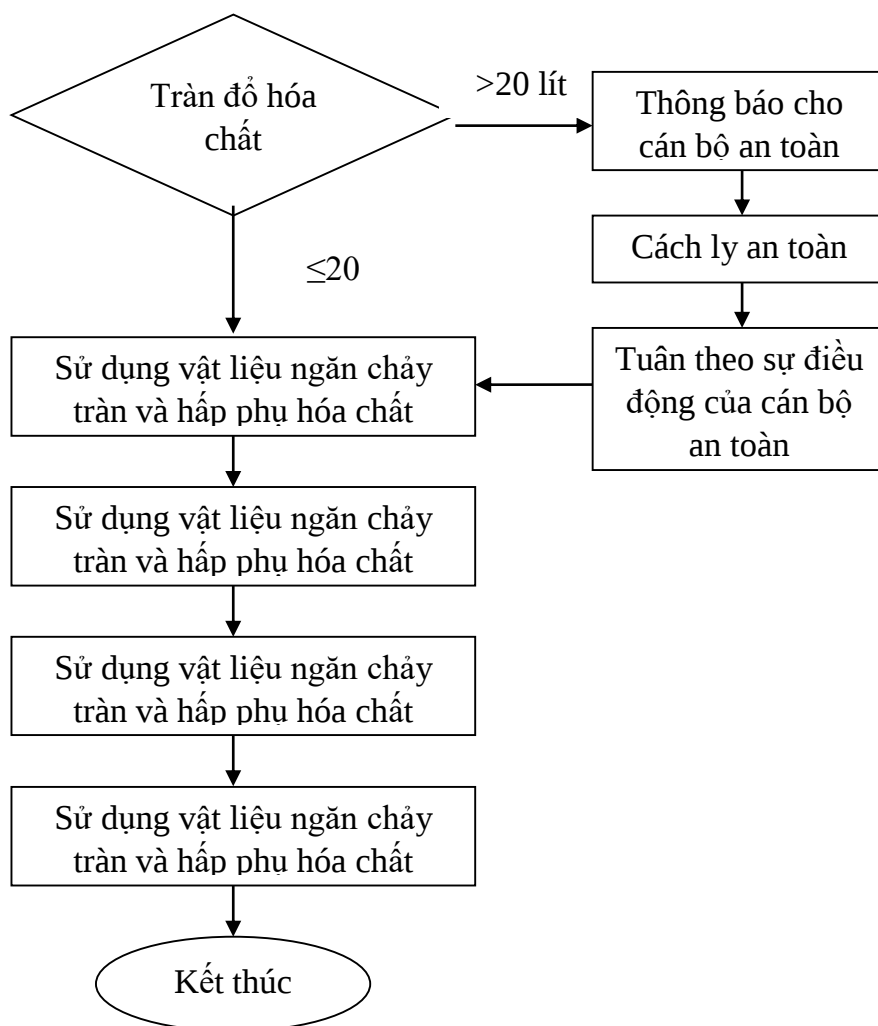
Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất

- Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.
- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;
- Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm;
- Bên ngoài kho có biển cảnh báo “CẤM LỬA”, “CẤM HÚT THUỐC”;
- Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;
- Các lô hàng không xếp sát trần kho và cao không quá 2 mét; Đảm bảo lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 mét;
- Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể.
- Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.

– Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

– Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải.

– Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3.4. Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

- Kho chứa hoá chất và các loại thuốc dùng cho hoạt động chăn nuôi sẽ được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Không

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có): Không

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Các công trình bảo vệ môi trường của dự án thực tế không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 21/05/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi 360.000 con gà thịt – Công ty TNHH Đầu tư Win Farm tại ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải của dự án gồm 02 nguồn thải chính:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và Nước thải từ quá trình sát trùng xe và người ra vào trại của khu A

+ Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi khu A và Khu B

Tổng lượng nước thải phát sinh tại khu A:

- Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án tại khu A là 34,875 m³/ngày đêm cụ thể như sau:

+ Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 2,875 m³/ngày đêm

+ Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 32 m³/ngày đêm

Tổng lượng nước thải phát sinh tại khu B:

- Lưu lượng nước thải tối đa: Hệ thống xử lý nước thải khu nhà B chỉ xử lý nước thải rửa chuồng. Như vậy, tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án tại khu B là 40 m³/ngày đêm cụ thể như sau:

- Dòng nước thải: Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi đưa vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, làm mát.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, chăn nuôi được xử lý đạt cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, QCVN 01-15:2010/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trang trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Giá trị C - Cột B	QCVN 01-15:2010/BNNT
1	pH ^(a,b)	-	5,5 - 9	-
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	100	-
3	COD ^(b)	mg/L	300	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150	-
5	Tổng Nitơ	mg/L ml	150	-

6	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL hoặc CDU/100 ml	5000	5000
7	Coli phân	MPN/100mL	-	500
8	Salmonella	MPN/50mL	-	KPH

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi được xử lý được tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, rửa đường và làm mát cho trang trại.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): Không

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có): Không

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Không

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện:

1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải

Để phân tích kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải Công ty đã phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ & Môi trường quan trắc và phân tích mẫu nước thải.

- Phương pháp đo đạc, lưu mẫu và phân tích :
- Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải :

Bảng 5.1 : Phương pháp lấy mẫu

TT	Loại mẫu	TCVN lấy mẫu
1	Nước thải	TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016 TCVN 6663-1:2011

Phương pháp phân tích mẫu, áp dụng đối với phương pháp phân mẫu nước thải bảng sau:

Bảng 5.2 : Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	TCVN 6492 : 2011
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001 -1: 2008
3	COD	mg/L	SMEWW 5520.C : 2012
4	TSS	mg/L	TCVN 6625 : 2000
5	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638 : 2000
6	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996

7	Coli phân	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
8	Salmonella	MPN/100mL	ISO 19250:2010

🌈 Thời gian tiến hành thử nghiệm và lấy mẫu phân tích

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn, mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 05 mẫu đơn lấy ở 05 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa – chiều, chiều – tối) được trộn đều với nhau.

Thông số quan trắc của từng công đoạn xử lý là thông số ô nhiễm chính được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn xử lý:

Bảng 5.3 : Vị trí lấy mẫu tại các hồ bể của hệ thống xử lý nước thải.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Đầu vào Bể kỵ khí 1 Khu A	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito	05 mẫu	17/12/2021 31/12/2021 14/01/2022 29/01/2022 12/02/2022	QCVN 62-MT:2016/BTN MT, cột B, QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT
2	NT02 : Đầu ra Bể kỵ khí 1 Khu A		05 mẫu		
3	NT03 : Sau Hồ sinh học 1 Khu A	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito, Coli phân, Coliform, Samonella	05 mẫu		
4	NT01 : Đầu vào Bể kỵ khí 2 Khu B	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito	05 mẫu		
5	NT02 : Đầu ra Bể kỵ khí 2 Khu B		05 mẫu		
6	NT03 : Sau Hồ sinh học 2 Khu B	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito, Coli phân, Coliform, Samonella	05 mẫu		

Đối với mẫu nước thải đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 07 mẫu đơn.

Bảng 5.4 : Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải Khu A và Khu B	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nitơ, T. Coliform, Coli phân, Samonella	01 mẫu	14/02/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-15:2010/BNNPTNT
2	NT02 : Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải Khu A và Khu B		07 mẫu	14/02/2022 15/02/2022 16/02/2022 17/02/2022 18/02/2022 19/02/2022 21/02/2022	

 Kết quả phân tích :

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn tại khu A có kết quả như sau :

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Bể kỵ khí 1 của khu A							
		<i>BOD₅</i>		<i>COD</i>		<i>TSS</i>		<i>Tổng Nito</i>	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	35	213,30	60,60	448,00	128,00	104,00	69,00	66,40	40,40
Hiệu suất lần 1		71,59		71,43		33,65		39,16	
Lần 2	37	179,40	53,30	448,00	124,80	92,00	62,00	61,60	38,40
Hiệu suất lần 2		70,29		72,14		32,61		37,66	
Lần 3	34	214,00	63,00	509,00	140,80	110,00	72,00	65,90	42,70
Hiệu suất lần 2		70,56		72,34		34,55		35,20	
Lần 4	36	166,00	48,00	502,00	132,00	89,00	58,00	58,00	36,00
Hiệu suất lần 4		71,08		73,71		34,83		37,93	
Lần 5	29	125,00	37,00	387,00	111,00	76,00	51,00	52,00	33,00
Hiệu suất lần 5		70,40		71,32		32,89		36,54	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học của khu A													
		<i>BOD₅</i>		<i>COD</i>		<i>TSS</i>		<i>Tổng Nito</i>		<i>T. Coliform</i>		<i>Coli phân</i>		<i>Salmonella</i>	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	35	60,60	35,20	128,00	73,60	69,00	41,00	40,40	25,00	11000,00	2700,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 1		41,91		42,50		40,58		38,12		75,45		100,00		100,00	
Lần 2	37	53,30	29,10	124,80	67,20	62,00	36,00	38,40	24,00	15000,00	2500,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 2		45,40		46,15		41,94		37,50		83,33		100,00		100,00	
Lần 3	34	63,00	34,40	140,80	76,80	72,00	43,00	42,70	27,00	13000,00	2800,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần		45,40		45,45		40,28		36,77		78,46		100,00		100,00	
Lần 4	36	48,00	26,00	132,00	69,00	58,00	35,00	36,00	22,00	16.000	2.600	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 4		45,83		47,73		39,66		38,89		83,75		100,00		100,00	
Lần 5	29	37,00	21,00	111,00	62,00	51,00	31,00	33,00	21,00	14000,00	2400,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 5		43,24		44,14		39,22		36,36		82,86		100,00		100,00	

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tại Khu A được lấy mẫu lần 1 ngày 14/02/2022, lần 2 ngày 15/02/2022, lần 3 ngày 16/02/2022, lần 4 ngày 17/02/2022, lần 5 ngày 18/02/2022, lần 6 ngày 19/02/2022, lần 7 ngày 21/02/2022 được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số môi trường của dự án															
		pH		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito		T. Coliform		Coli phân		Salmonella	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	38	6,71	7,12	312	27	564	52	395	34	268	27,5	11.000	3.200	9.200	210	KPH	KPH
Lần 2	35	-	7,19	-	32	-	56	-	37	-	28,9	-	3.300	-	240	KPH	KPH
Lần 3	37	-	7,05	-	25	-	50	-	29,5	-	26,4	-	2.700	-	130	KPH	KPH
Lần 4	33	-	6,91	-	31	-	57,2	-	35	-	27,9	-	2.800	-	140	KPH	KPH
Lần 5	36	-	6,87	-	34	-	61	-	39,5	-	26,8	-	2.600	-	130	KPH	KPH
Lần 6	31	-	7,05	-	28	-	54,3	-	32	-	27,4	-	2.700	-	130	KPH	KPH
Lần 7	34	-	7,25	-	21	-	41	-	22	-	26,3	-	2.200	-	110	KPH	KPH
QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B	-	5,5 - 9		100		300		150		150		5.000		-		-	
QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT	-	-		-		-		-		-		5.000		500		KPH	

Kết quả phân tích

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn tại Khu B có kết quả như sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Bể kỵ khí 2 của khu B							
		<i>BOD₅</i>		<i>COD</i>		<i>TSS</i>		<i>Tổng Nito</i>	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	43	232,70	67,90	496,00	134,40	134,00	88,00	72,40	44,30
Hiệu suất lần 1		70,82		72,90		34,33		38,81	
Lần 2	38	203,60	58,20	448,00	131,20	72,00	48,00	62,60	39,90
Hiệu suất lần 2		71,41		70,71		33,33		36,26	
Lần 3	41	160,00	47,50	448,00	134,40	99,00	65,00	71,20	44,50
Hiệu suất lần 2		70,31		70,00		34,34		37,50	
Lần 4	36	222,00	64,00	428,00	123,00	80,00	53,00	59,00	37,00
Hiệu suất lần 4		71,17		71,26		33,75		37,29	
Lần 5	33	148,00	43,00	298,00	95,00	85,00	58,00	52,00	34,00
Hiệu suất lần 5		70,95		68,12		31,76		34,62	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học của Khu B													
		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito		T. Coliform		Coli phân		Salmonella	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trướ c xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	43	67,90	38,80	134,40	73,60	88,00	52,00	44,30	28,00	13000,00	2800,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 1		42,86		45,24		40,91		36,79		78,46		100,00		100,00	
Lần 2	38	58,20	31,50	131,20	70,40	48,00	47,00	39,90	25,00	16000,00	2600,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 2		45,88		46,34		2,08		37,34		83,75		100,00		100,00	
Lần 3	41	47,50	26,20	134,40	73,60	65,00	40,00	44,50	28,00	14000,00	2800,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần		44,84		45,24		38,46		37,08		80,00		100,00		100,00	
Lần 4	36	64,00	34,00	123,00	63,00	53,00	32,00	37,00	23,00	15000,00	2700,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 4		46,88		48,78		39,62		37,84		82,00		100,00		100,00	
Lần 5	33	43,00	24,00	95,00	52,00	58,00	36,00	34,00	22,00	12000,00	2500,00	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 5		44,19		45,26		37,93		35,29		79,17		100,00		100,00	

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tại khu B được lấy mẫu lần 1 ngày 14/02/2022, lần 2 ngày 15/02/2022, lần 3 ngày 16/02/2022, lần 4 ngày 17/02/2022, lần 5 ngày 18/02/2022, lần 6 ngày 19/02/2022, lần 7 ngày 21/02/2022 được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số môi trường của dự án															
		pH		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito		T. Coliform		Coli phân		Salmonella	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	40	6,62	7,05	327	29,2	578	55	412	34,5	281	25,4	11.000	2.800	3.500	130	KPH	KPH
Lần 2	37	-	7,11	-	37,2	-	62,4	-	39	-	29,2	-	2.700	-	130	KPH	KPH
Lần 3	39	-	6,92	-	28	-	55	-	31	-	27,3	-	2.800	-	170	KPH	KPH
Lần 4	35	-	7,12	-	25	-	49	-	30,5	-	26,3	-	2.700	-	120	KPH	KPH
Lần 5	38	-	7,12	-	25	-	50,5	-	30,5	-	26,3	-	2.700	-	140	KPH	KPH
Lần 6	31	-	6,9	-	32,2	-	65	-	34	-	27	-	2.400	-	110	KPH	KPH
Lần 7	36	-	7,15	-	23	-	47	-	27	-	24,6	-	2.400	-	130	KPH	KPH
QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B	-	5,5 - 9		100		300		150		150		5.000		-		-	
QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT	-	-		-		-		-		-		5.000		500		KPH	

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a. Giám sát môi trường không khí

Giám sát môi trường không khí trong khu vực chăn nuôi:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giữa các dãy nhà nuôi gà khu chuồng A; 01 điểm tại giữa các dãy nhà nuôi gà khu chuồng B.
- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, NO₂, H₂S.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

b. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm lấy mẫu tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu nhà A.
 - + 01 điểm lấy mẫu tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu nhà B.
 - + 01 điểm lấy mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải khu nhà A.
 - + 01 điểm lấy mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải khu nhà B.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng Coliform, Coli phân, Salmonella.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

c. Giám sát môi trường nước ngầm

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại giếng khoan trong trang trại.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, Độ cứng, TDS, Fe tổng, Nitrat, Cl⁻, Amoni, tổng Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT

d. Giám sát môi trường đất

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực cây xanh sử dụng nước thải tưới sau xử lý.
- Chỉ tiêu giám sát: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT

e. Giám sát chất thải rắn nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng phát thải phát sinh; giám sát lượng CTRNH tại nơi lưu giữ tạm thời.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Dự án trong mỗi đợt dự kiến khoảng 10.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- Cam kết chất lượng không khí đạt QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

- Cam kết thực hiện kiểm soát môi trường đất theo QCVN 03-MT/2015/BTNMT, nước mặt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

- Đối với chất thải rắn không nguy hại và rác thải sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.

PHỤ LỤC